TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

* *Bị đơn:* Ông Châu Văn L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Thanh D, sinh năm 1984, Chức vụ: Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Hồng T trình bày:*

Vào năm 1986 được sự đồng ý của hai bên gia đình bà và ông Châu Văn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Minh Hải nhưng do thời gian đã lâu thất lạc không còn giấy tờ gì. Vợ chồng chung sống có 04 người con, thời gian gần đây vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường gây áp lực cho nhau và không quan tâm, cảm thông, nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi thậm chí còn xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng không thể hàn gắn. Bà nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Châu Văn L.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên Châu Phi Y, sinh năm 1987; Châu Kim Y1, sinh năm 1989; Châu Phi LíL, sinh năm 1991 và Châu Ngọc C, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U theo chương trình vay vốn Hộ cận nghèo và Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, hiện nay gia đình bà không còn hộ cận nghèo.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Châu Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống có đăng ký kết hôn đúng như bà Lê Hồng T trình bày, hiện ông và bà T đã ly thân khoảng 05 – 06 tháng nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng, giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức ly hôn mà là do bà T có người khác nên yêu cầu ly hôn với ông nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên Châu Phi Y, sinh năm 1987; Châu Kim Y1, sinh năm 1989; Châu Phi LíL, sinh năm 1991 và Châu Ngọc C, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông L xác định khi bà T và ông ly thân, bà T có giữ hơn 100 triệu đồng và 01 cây vàng 24K nhưng ông không yêu cầu, vợ chồng ông tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U số tiền trên 50 triệu đồng, ông yêu cầu chia hai số nợ để trả khi giải quyết ly hôn.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U trình bày:* Bà Lê Hồng T, ông Châu Văn L có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 (gọi tắt là Ngân hàng) với 02 chương trình Hộ cận nghèo và Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/4/2024 là 57.283.165 đồng. Nay bà Lê Hồng T, ông Châu Văn L ly hôn, Ngân hàng yêu cầu bà T, ông L cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 37, 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10; Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Hồng T; về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung: không yêu cầu, nên không xem xét; về nợ chung: chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U bà Lê Hồng T, ông Châu Văn L mỗi người có nghĩa vụ trả ngân hàng ½ số tiền vay tính đến ngày 11/4/2024 là 57.283.165 đồng và tiền lãi phát sinh; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U xin vắng mặt đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hồng T và ông Châu Văn L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, bà T, ông L xác định có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh. Bà T và ông L chung sống từ năm 1986, quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông L không đồng ý ly hôn với bà T nhưng từ khi ly thân đến nay ông L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L, điều này cho thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3]. Về con chung: Bà Lê Hồng T và ông Châu Văn L xác định có 04 người con chung tên Châu Phi Y, sinh năm 1987; Châu Kim Y1, sinh năm 1989; Châu Phi LíL, sinh năm 1991 và Châu Ngọc C, sinh năm 1998. Bà T, ông L xác định con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà Lê Hồng T và ông Châu Văn L xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U yêu cầu bà Lê Hồng T, ông Châu Văn L cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy việc bà T và ông L vay tiền của Ngân hàng C1 là có thật và bà T, ông L cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nên buộc bà T và ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng một nữa số nợ là 28.642.000 đồng (làm tròn).

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Hồng T phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; Bà Lê Hồng T, ông Châu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10; Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Hồng T. Bà Lê Hồng T được ly hôn với ông Châu Văn L.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung:

Buộc bà Lê Hồng T trả cho Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U số tiền là 28.642.000 đồng (làm tròn).

Buộc ông Châu Văn L trả cho Ngân hàng C1-Phòng giao dịch huyện U số tiền là 28.642.000 đồng (làm tròn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 14/3/2022 và ngày 13/9/2023 từ ngày 12/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

5. Về án phí: Bà Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.432.100 đồng, tổng cộng là 1.732.100 đồng. Bà Lê Hồng T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006193 ngày 30/01/2024 được đối trừ chuyển thu. Bà Lê Hồng T phải nộp tiếp số tiền 1.432.100 (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn một trăm) đồng (chưa nộp).

Ông Châu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.432.100 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn một trăm) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa